SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH YÊN BÁI
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 42 /KH-TTBVTV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 28 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thiết lập, cấp, quản lý và giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng; công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 về việc cấp và quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu;

Căn cứ công văn số 529/SNN-TTBVTV ngày 28/3/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái về việc giao nhiệm vụ thiết lập, cấp, quản lý và giám sát mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch thiết lập, cấp, quản lý và giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ Thiết lập, quản lý, giám sát mã số vùng trồng đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng quy định.

- Thiết lập được các mã số vùng trồng để theo dõi, quản lý, kiểm soát tình hình sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm; và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng.

2. Yêu cầu: Thực hiện theo đúng quy định của Luật Trồng trọt và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thiết lập, cấp, quản lý và giám sát mã số vùng trồng. Đảm bảo đồng hành với tiến độ công nhận nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn việc thiết lập, quản lý, giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

- Tổ chức 07 lớp tập huấn, với 30 - 50 học viên/lớp cho các đối tượng: Cán bộ quản lý, chính quyền địa phương, cán bộ chuyên môn cấp huyện, xã, phường; các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, thu mua nông sản và người trực tiếp sản xuất về thủ tục, trình tự cấp mã số vùng trồng; các yêu cầu về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm theo yêu cầu của nước nhập khẩu và yêu cầu của tiêu dùng nội địa theo quy định hướng dẫn.

- In ấn và cấp phát 10.000 tờ rơi tuyên truyền về mã số vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành văn bản hướng dẫn đăng ký cấp mã số vùng trồng, trong đó ưu tiên các vùng trồng tập trung trồng các cây trồng chủ lực (dùng làm thực phẩm) có diện tích, năng suất, sản lượng ổn định hàng năm; các vùng trồng đã được cấp và đang thực hiện sản xuất theo quy trình chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương.

2. Tiếp nhận đăng ký, thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá vùng trồng và cấp giấy xác nhận mã số vùng trồng theo quy định

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp mã của các tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá thực tế tại vùng trồng (sau khi tiếp nhận và hồ sơ đủ điều kiện): Trên cơ sở các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bố trí cán bộ chuyên môn thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại vùng trồng, lập biên bản kiểm tra hiện trường theo quy định.

- Cấp giấy xác nhận mã số vùng trồng theo quy định hiện hành.

- Cập nhật đầy đủ thông tin vùng trồng trên cơ sở dữ liệu quốc gia về vùng trồng và cơ sở đóng gói.

3. Giám sát, quản lý vùng trồng đã được cấp mã số

- Tiến hành kiểm tra, giám sát định kỳ các vùng trồng đã được cấp mã số. Đảm bảo vùng trồng duy trì tình trạng tuân thủ quy định của nước nhập khẩu (đối với vùng trồng được cấp mã số phục vụ xuất khẩu) và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm trong nước (đối với vùng trồng được cấp mã số tiêu thụ nội địa). Đồng thời tiến hành lấy mẫu sản phẩm, kiểm tra, phân tích nhằm kiểm soát dư lượng hóa chất theo quy định.

- Thực hiện việc xem xét, kiến nghị hủy bỏ mã số cho vùng trồng theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thời gian giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa: Tháng 6 - 10/2023 (C*hi tiết tại phụ lục 1, 2 kèm theo*)

4. Số lượng mã số vùng trồng và thời gian thực hiện trong năm 2023

- Đối với mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu: Thực hiện khi có tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và đề nghị cấp mã số. Đồng thời đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Đối với mã số vùng trồng phục vụ tiêu thụ nội địa: Tổ chức thiết lập, đánh giá và cấp 36 mã số vùng trồng trên các loại cây trồng với diện tích 471,2 ha tại các huyện, thị xã, thành phố.

(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

5. Kinh phí thực hiện: Sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng nghiệp vụ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của kế hoạch đảm bảo đúng quy trình, quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện cấp, quản lý, giám sát các vùng trồng theo quy định. Kịp thời cập nhật, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ và các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về mã số vùng trồng (nếu có). Định kỳ tổng hợp, tham mưu báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật kết quả thực hiện.

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; phòng Kinh tế thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân sản xuất trồng trọt trên địa bàn thực hiện kế hoạch này. Hằng năm, xây dựng kế hoạch cấp mã số vùng trồng làm cơ sở để triển khai thực hiện *(chi tiết tại phụ lục 4 kèm theo)*

2. Đề nghị phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; phòng Kinh tế thị xã, thành phố

- Chỉ đạo chính quyền cấp xã và các cá nhân, tổ chức liên quan phối hợp cùng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch này.

- Hằng năm, chủ động xây dựng, lập kế hoạch đăng ký cấp mã số vùng trồng gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thiết lập, cấp, quản lý và giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tỉnh Yên Bái năm 2023. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp, triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Cục Trồng trọt;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - YÊN BÁI
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Nguyễn Xuân Huy

Phụ lục 1: Giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-TTBVTV ngày 28tháng 4 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái)

TT	Tên vùng trồng	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Người đại diện	Diện tích (ha)	Sản lượng ước tính (tấn/năm)	Mã số	Thị trường xuất khẩu	Thời gian giám sát
1	Thôn Chiềng	Thôn Chiềng, xã Bình Thuận	22	Nguyễn Vũ Linh	39,00	569,00	VN-YBOR-0001.ID	INDONESIA	7/2023
2	Thôn Chiềng	Thôn Chiềng, xã Bình Thuận	22	Nguyễn Vũ Linh	39,00	569,00	VN-YBOR-0001.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	7/2023
3	Thôn Chiềng	Thôn Chiềng, xã Bình Thuận	22	Nguyễn Vũ Linh	39,00	569,00	VN-YBOR-0001.USA	AMERICAN SAMOA	7/2023
4	Thôn Chiềng	Thôn Chiềng, xã Bình Thuận	22	Nguyễn Vũ Linh	39,00	569,00	VN-YBOR-0001.IN	INDIA	7/2023
5	Thôn Đồng Hảo	Thôn Đồng Hảo, xã Bình Thuận	19	Nguyễn Vũ Linh	36,00	525,00	VN-YBOR-0002.ID	INDONESIA	7/2023
6	Thôn Đồng Hảo	Thôn Đồng Hảo, xã Bình Thuận	19	Nguyễn Vũ Linh	36,00	525,00	VN-YBOR-0002.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	7/2023
7	Thôn Đồng Hảo	Thôn Đồng Hảo, xã Bình Thuận	19	Nguyễn Vũ Linh	36,00	525,00	VN-YBOR-0002.USA	AMERICAN SAMOA	7/2023
8	Thôn Đồng Hảo	Thôn Đồng Hảo, xã Bình Thuận	19	Nguyễn Vũ Linh	36,00	525,00	VN-YBOR-0002.IN	INDIA	7/2023
9	Suối Giàng	Thôn Giàng B, xã Suối Giàng	50	Giàng A Súa	35,00	42,00	VN-YBOR-0003.EU	EU	7/2023
10	Suối Giàng	Thôn Giàng B, xã Suối Giàng	50	Giàng A Súa	35,00	42,00	VN-YBOR-0003.TW	TAIWAN	7/2023
11	Trần Phú	Thị trấn nông trường Trần Phú	1	Lê Bảo Ngọc Tín	35,00	840,00	VN-YBOR-0004.TW	TAIWAN	7/2023
12	Rẹ 2	Thôn Rẹ 2, xã Bình Thuận	14	Nguyễn Vũ Linh	34,00	496,00	VN-YBOR-0005.USA	AMERICAN SAMOA	8/2023
13	Rẹ 2	Thôn Rẹ 2, xã Bình Thuận	14	Nguyễn Vũ Linh	34,00	496,00	VN-YBOR-0005.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	8/2023
14	Rẹ 2	Thôn Rẹ 2, xã Bình Thuận	14	Nguyễn Vũ Linh	34,00	496,00	VN-YBOR-0005.IN	INDIA	8/2023
15	Rẹ 2	Thôn Rẹ 2, xã Bình Thuận	14	Nguyễn Vũ Linh	34,00	496,00	VN-YBOR-0005.ID	INDONESIA	8/2023
16	Suối Bu	Thôn Bu Thấp, xã Suối Bu	37	Nguyễn Đức Thắng	30,00	61,00	VN-YBOR-0006.EU	EU	8/2023
17	Suối Bu	Thôn Bu Thấp, xã Suối Bu	37	Nguyễn Đức Thắng	30,00	61,00	VN-YBOR-0006.USA	AMERICAN SAMOA	8/2023
18	Kiến Thuận 02	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	20,00	360,00	VN-YBOR-0007.BY	BELARUS	8/2023
19	Kiến Thuận 02	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	20,00	360,00	VN-YBOR-0007.ID	INDONESIA	8/2023

20	Kiến Thuận 02	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	20,00	360,00	VN-YBOR-0007.USA	AMERICAN SAMOA	8/2023
21	Kiến Thuận 02	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	20,00	360,00	VN-YBOR-0007.UZ	UZBEKISTAN	8/2023
22	Kiến Thuận 02	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	20,00	360,00	VN-YBOR-0007.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	8/2023
23	Thôn Buông	Thôn Buông, xã Bình Thuận	21	Nguyễn Vũ Linh	19,00	277,00	VN-YBOR-0008.IN	INDIA	9/2023
24	Thôn Buông	Thôn Buông, xã Bình Thuận	21	Nguyễn Vũ Linh	19,00	277,00	VN-YBOR-0008.USA	AMERICAN SAMOA	9/2023
25	Thôn Buông	Thôn Buông, xã Bình Thuận	21	Nguyễn Vũ Linh	19,00	277,00	VN-YBOR-0008.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	9/2023
26	Thôn Buông	Thôn Buông, xã Bình Thuận	21	Nguyễn Vũ Linh	19,00	277,00	VN-YBOR-0008.ID	INDONESIA	9/2023
27	Đồng Khê	Thôn Minh Đồng, xã Đồng Khê	34	Nguyễn Văn Phương	18,00	204,00	VN-YBOR-0009.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	9/2023
28	Kiến Thuận 03	Thôn Đát Tờ, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	15,00	270,00	VN-YBOR-0010.BY	BELARUS	9/2023
29	Kiến Thuận 03	Thôn Đát Tờ, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	15,00	270,00	VN-YBOR-0011.UZ	UZBEKISTAN	9/2023
30	Kiến Thuận 03	Thôn Đát Tờ, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	15,00	270,00	VN-YBOR-0011.ID	INDIA	9/2023
31	Kiến Thuận 03	Thôn Đát Tờ, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	15,00	270,00	VN-YBOR-0011.USA	AMERICAN SAMOA	9/2023
32	Kiến Thuận 03	Thôn Đát Tờ, xã Bình Thuận	4	Đỗ Văn Lừng	15,00	270,00	VN-YBOR-0011.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	9/2023
33	Kiến Thuận 01	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	3	Đỗ Văn Lừng	13,00	234,00	VN-YBOR-0012.BY	BELARUS	10/2023
34	Kiến Thuận 01	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	3	Đỗ Văn Lừng	13,00	234,00	VN-YBOR-0012.USA	AMERICAN SAMOA	10/2023
35	Kiến Thuận 01	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	3	Đỗ Văn Lừng	13,00	234,00	VN-YBOR-0012.UZ	UZBEKISTAN	10/2023
36	Kiến Thuận 01	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	3	Đỗ Văn Lừng	13,00	234,00	VN-YBOR-0012.ID	INDONESIA	10/2023
37	Kiến Thuận 01	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	3	Đỗ Văn Lừng	13,00	234,00	VN-YBOR-0012.RUSS	RUSSIAN FEDERATION	10/2023

Phụ lục 2: Giám sát mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-TTBVTV ngày tháng 4 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Cây trồng	Diện tích (ha)	Chủ thể	Số hộ tham gia	Sản lượng dự kiến (tấn)	Địa điểm vùng trồng	Chứng nhận	Thị trường tiêu thụ	Thời gian giám sát
1	Văn Yên	Dưa lê	0,14	HTX dịch vụ nông nghiệp hữu cơ Trung Thành	4	5,0	Thôn Yên Dũng, xã Yên Hợp	ATTP	Trong nước	6/2023
2		Bưởi	1,60	THT trồng cây ăn quả An Phú	2	15,0	Thôn An Phú, xã An Thịnh		Trong nước	10/2023
3		Rau	0,50	THT cung ứng các sản phẩm an toàn thôn Sân Bay	7	4,5	Thôn Sân Bay, xã Đông Cuông		Trong nước	8/2023
4	TX.Nghĩa Lộ	Thanh long	1,16	HTX Nông nghiệp Nghĩa Lộ	2	39,6	Thôn 8, xã Nghĩa Lộ		Trong nước	6/2023
5	Yên Bình	Bưởi	1,67	THT trồng bưởi Đại Minh	3	16,7	Thôn Đá Chồng, xã Đại Đồng		Trong nước	10/2023
6		Bưởi diễn	1,26	Lương Bá Tuân	1	12,0	Thôn Miếu Hạ, xã Thịnh Hưng		Trong nước	10/2023
7		Cam vinh	1,28	Triệu Văn Dương	1	12,0	Thôn Ngòi Sọng, xã Xuân Long		Trong nước	10/2023
8	Trấn Yên	Đao riềng	4,38	Hợp tác xã Việt Hải Đăng	35	237,0	Thôn Thịnh Bình xã Quy Mông	VietGap	Trong nước	9/2023
9		Quýt	2,60	HTX cây ăn quả Hưng Thịnh	2	20,0	Thôn Yên Bình, xã Hưng Thịnh	VietGap	Trong nước	10/2023
10		Chè	2,03	HTX dịch vụ nông nghiệp dược liệu xã Báo Đáp	3	19,0	Thôn Đồng Bưởi, xã Báo Đáp		Trong nước	8/2023
11		Chè	20,8	Hợp tác xã chè Khe Năm	24	185,4	Thôn Khe năm xã Hưng Khánh	VietGap	Trong nước	8/2023
12		Cây ăn quả có múi	8,00	Bùi Văn Nhuận	1	38,5	Thôn Đồng Phú, xã Việt Thành	VietGap	Trong nước	10/2023
13		Bưởi	1,00	Hà Huy Thảo	1	10,0	Thôn 7, xã Minh Quán		Trong nước	10/2023

Phụ lục 03: Kế hoạch cấp mã số vùng trồng nội địa năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-TTBVTV ngày tháng 4 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái)

TT	Huyện /TX/TP	Cây trồng	Diện tích (ha)	Chủ thể	Số hộ tham gia	Sản lượng dự kiến (tấn)	Địa điểm vùng trồng	Chứng nhận	Thị trường dự kiến tiêu thụ
1	Văn Yên	Lúa	5,0	THT Lúa Chiếm Hương thôn Đại Thắng	60	278	Thôn Đại Thắng, xã Đại Phác		Trong nước
2		Lúa	1,0	THT trồng lúa	11	5	Thôn Khe Dẹt, xã Tân Hợp		Trong nước
3		Nhãn	2,0	THT trồng và chăm sóc Nhãn	4	10	Thôn Nghĩa Giang, xã Lang Thíp		Trong nước
4		Lúa	1,0	THT trồng lúa	10	5	Thôn Sông Hồng, xã Xuân Ái		Trong nước
5	Văn Chấn	Chè	39,3	Cty chè TNHH Bình Thuận	22	575	Thôn Chiềng, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
6		Chè	34,3	Cty chè TNHH Bình Thuận	14	500	Thôn Rẹ 2, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
7		Chè	18,8	Cty chè TNHH Bình Thuận	21	2.745	Thôn Buông, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
8		Chè	36,3	Cty chè TNHH Bình Thuận	19	530	Thôn Đỗng Hảo, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
9		Chè	13,5	Cty TNHH Kiến Thuận	3	367	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
10		Chè	20,4	Cty TNHH Kiến Thuận	4	367	Thôn Kiến Rịa, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
11		Chè	15,0	Cty TNHH Kiến Thuận	4	270	Thôn Đát Tờ, xã Bình Thuận	RA	Trong nước
12		Chè	27,5	Cty TNHH Linh Thuận	20	385	Thôn Kè, xã Đại Lịch	VietGAP	Trong nước
13		Chè	5,0	HTX dịch vụ tổng hợp Tân Thịnh	10	70	Thôn Đồng Bẳn; Khe Sừng; Đát Quang xã Tân Thịnh		Trong nước
14		Lúa	50,0	HTX dịch vụ Nông nghiệp Tú Lệ		250	Thôn Thiên Bữu, xã Thượng Bằng La	VietGAP	Trong nước
15	TP Yên Bái	Rau	2,0	HTX dịch vụ nông nghiệp sản xuất rau an toàn xã Văn Phú	201	150	Thôn Tuy Lộc, xã Văn Phú		Trong nước
16		Rau	1,7	HTX sản xuất rau an toàn xã Âu Lâu	5	120	Thôn Cống Đá, xã Âu Lâu		Trong nước

17		Nghệ	9,9	Tinh bột Nghệ xã Tân thịnh	20	130	Thôn Trấn Ninh, Thanh Hùng, xã Tân Thịnh	ATTP	Trong nước
18		Rau	4,5	HTX sản xuất rau an toàn Tuy Lộc	45	210	Thôn Minh Long, xã Tuy Lộc		Trong nước
19		Chè	7,0	HTX Nông nghiệp Minh Bảo	15	39	Thôn Thanh niên, Bảo Yên, Trực Bình, Bảo Tân, xã Minh Bảo		Trong nước
20	Lục Yên	Cây ăn quả có múi	1,0	HTX dịch vụ tổng hợp Đại Gia	1	10	Thôn Yên Thịnh, xã Vĩnh Lạc	VietGAP	Trong nước
21		Cam	1,0	Trương Văn Khoa	1	20	Thôn Sơn Bắc xã Mai Sơn		Trong nước
22	Yên Bình	Lúa	10,0	HTX DVNN Bạch Hà	54	50	Thôn Hồ Sen, xã Bạch Hà	VietGAP	Trong nước
23		Thanh long	15,0	THT Thanh long	20	250	Thôn Đồng Tâm, xã Mỹ Gia		Trong nước
24		Lạc	10,0	HTX DVNLN TS xã Tân Hương	25	15	Thôn Tân Bình, xã Tân Hương		Trong nước
25		Khoai	0,5	Lý Văn Tốt	1	7	Thôn Khuôn Đát, xã Phúc An		Trong nước
26		Chè	10,0	Trần Tường	20	100	Thôn Trác Đà, xã Hán Đà	VietGAP	Trong nước
27		Bưởi	15,0	HTX đặc sản Bưởi Đại Minh	24	420	Thôn Làng Cần, xã Đại Minh	VietGAP	Trong nước
28	Trấn Yên	Rau	1,2	HTX rau an toàn Minh Tiến	1	50,4	Thôn Minh Tân, xã Y Can	VietGAP	Trong nước
29		Chè	13,0	HTX dịch vụ tổng hợp Nga Quán	48	110	Thôn Hồng Hà, xã Nga Quán	VietGAP	Trong nước
30		Chè	41,5	HTX chè chất lượng cao Bảo Hưng	217	340	Thôn Khe Ngay, xã Bảo Hưng	VietGAP	Trong nước
31		Chanh	1,0	Phạm Văn Luân	1	35	Thôn 4, xã Việt Cường		Trong nước
32		Thanh long	11,0	HTX Thanh long ruột đỏ Minh Quân	108	275	Thôn Đức Quân, xã Minh Quân	VietGAP	Trong nước
33		Chè	25,0	HTX môi trường xanh Kiên Thành		4,7	Thôn Đồng Ruộng,xã Kiên Thành		Trong nước
34		Bưởi	2,0	HTX dịch vụ tổng hợp Tân Đồng	1	20	Thôn Làng Đồng, xã Tân Đồng		Trong nước
35	TX Nghĩa Lộ	Lúa	16,8	Cty TNHH TNĐ	150	94,5	Bản Sang Thái, Sang Lốm, xã Nghĩa Lợi		Trong nước
36		Bưởi	3,0	Tổ hợp tác	15	90	Thôn Chanh, xã Phù Nham		Trong nước

Phụ lục 04: Chi tiết kế hoạch thực hiện

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-TTBVTV ngày tháng 4 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung công việc	Người thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Ghi chú
1	**Tiếp nhận đăng ký và lập kế hoạch thực hiện**	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố	Tháng 2-3/2023		
2	**Tập huấn (7 lớp mỗi huyện 1 lớp, với 310 học viên, thời gian tổ chức 02 ngày/lớp)**					
	Tập huấn 7 lớp cho các đơn vị đăng ký cấp mã số vùng trồng năm 2023 (Văn Chấn: 50 học viên, thị xã Nghĩa Lộ: 50 học viên, Yên Bình: 30 học viên, thành phố Yên Bái: 50 học viên, Văn Yên: 50 học viên, Lục Yên: 30 học viên, Trấn Yên: 50 học viên)	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cán bộ phụ trách MSVT thuộc Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố; Phụ trách MSVT, các hộ tham gia vùng trồng của các đơn vị sản xuất Trồng trọt đăng ký cấp MSVT.	Tháng 5-11/2023	Tại các huyện, thị xã, thành phố được cấp	Phổ biến các quy định cấp, quản lý mã số vùng trồng, yêu cầu khi duy trì mã số vùng trồng, cách đăng nhập và nhập liệu nhật ký vùng trồng lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia
3	**Thông tin, tuyên truyền**					
-	Trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa đài phát thanh...	Các huyện, thị xã, thành phố		Tháng 2-12/2023	Tại các huyện, thị xã, thành phố	
-	Chương trình truyền hình về mã số vùng trồng	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tháng 6/2023	Huyện Văn Chấn	Vùng chè đã cấp mã số năm 2022
-	Xây dựng tờ rơi tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký cấp MSVT	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố	Tháng 4/2023		In và phát 10.000 tờ rơi
4	**Cấp mã số vùng trồng mới**					
-	Đăng ký, làm hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố	Tháng 4-10/2023		
-	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		Tháng 4-10/2023		

-	Kiểm tra vùng trồng	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		Tháng 4-10/2023		
-	Hoàn thiện hồ sơ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		Tháng 5-12/2023		
-	Cấp mã số	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cán bộ phụ trách MSVT thuộc Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố; Phụ trách MSVT của các tổ chức, cá nhân, đơn vị sản xuất Trồng trọt đăng ký cấp MSVT.	Tháng 5-12/2023		Khi hoàn thiện hồ sơ và có đề nghị của phòng nghiệp vụ
-	Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia	Tổ chức, cá nhân được cấp MSVT		Tháng 1-12/2023		
5	**Giám sát mã số vùng trồng**					
-	Giám sát mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cán bộ phụ trách MSVT thuộc Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố; Phụ trách MSVT của các tổ chức, cá nhân, đơn vị sản xuất Trồng trọt đăng ký cấp MSVT.	Tháng 6-10/2023	Huyện Văn Chấn	
-	Giám sát mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cán bộ phụ trách MSVT thuộc Phòng nông nghiệp các huyện/phòng kinh tế thị xã, thành phố; Phụ trách MSVT của các tổ chức, cá nhân, đơn vị sản xuất Trồng trọt đăng ký cấp MSVT.	Tháng 6-10/2023	Huyện Văn Yên, Trấn Yên, Yên Bình, thị xã Nghĩa Lộ	
6	**Tổng kết công tác thiết lập, cấp, quản lý và giám sát mã số vùng trồng**	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		Tháng 12/2023		